

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý nguyên tử, hạt nhân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Duy Tập

2. Ngày tháng năm sinh: 09/03/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Khu phố Phú Hòa, Thị trấn Hòa Hiệp Trung, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 19 đường 212, Khu phố 2, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 1/60/18A – Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: 02835152147; Điện thoại di động: 0798071485; E-mail: tdtap@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2009: Trợ giảng tại Khoa Vật lý – Vật lý Kỹ thuật, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM);

Từ năm 2009 đến năm 2017: Giảng viên tại Khoa Vật lý – Vật lý Kỹ thuật, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM;

Từ năm 2017 đến nay: Giảng viên tại Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ Môn Vật liệu Nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM;

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ Môn Vật Liệu Nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM.

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: 028 3835 8463

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 03 năm 2005, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý hạt nhân

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 03 năm 2009, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 09 năm 2013, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Kỹ thuật và quản lý hạt nhân

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại Học Tokyo, Nhật Bản

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Pin nhiên liệu hydro;
- Biến tính vật liệu bằng công nghệ bức xạ hạt nhân;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Phát triển và ứng dụng các phương pháp phân tích phổ hạt nhân, nguyên tử, và phân tử trong phân tích cấu trúc và tính chất vật liệu chức năng và vật liệu nano.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và đã cấp bằng ThS;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH (chủ nhiệm 01 cấp Bộ (Nafosted) và 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (loại C)), thành viên tham gia 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (loại C));
- Đã công bố 31 bài báo KH, trong đó 19 bài báo KH trên tạp chí quốc tế uy tín (07 bài báo Q1, 09 bài báo Q2, 03 bài báo Q3), 02 bài báo tại hội nghị khoa học quốc tế có uy tín (có phân biện và chỉ số ISBN) và 10 bài báo trên tạp chí trong nước có phân biện và chỉ số ISSN. Trong 19 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có 15 bài báo ISI thuộc Web of Science (tổng IF = 46.622, trung bình IF = 3.1/bài);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng năm 2017: Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2016-2017 (QĐ số 1193/QĐ-KHTN ngày 01/08/2017).
- Giấy khen của Hiệu trưởng năm 2019: Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2018-2019 (QĐ số 1101/QĐ-KHTN ngày 01/08/2019).
- Chứng nhận của Chủ tịch Công đoàn năm 2014: Đạt danh hiệu xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2013-2014 (QĐ số 126/QĐ-CN ngày 09/12/2014).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, và trách nhiệm.
- Có trình độ chuyên môn tốt.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, và nghiên cứu khoa học được giao.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.
- Luôn cố gắng và nhiệt huyết trong giảng dạy và hướng dẫn SV, HVCH, NCS, thực hiện tốt các nghĩa vụ của cán bộ giảng dạy trong nhà trường, thường xuyên hợp tác với đồng nghiệp trong giảng dạy, đào tạo và NCKH, tôn trọng, khách quan và công bằng với sinh viên.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

f. Không ngừng học hỏi, tự học và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học được giao.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 12 năm từ 2008 đến nay

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2009-2010					198.3		198.3/313.47/270
2	2015-2016			3	6	177	70	247/687.17/270
3	2016-2017			1	4	414	92	506/585.97/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018				5	141	22	163/375.87/270
5	2018-2019				8	170	112	282/705.03/270
6	2019-2020				7	130	22.5	152.5/415.53/270

Ghi chú: được giảm trừ 15% số giờ chuẩn giai đoạn 2017 – 2019 do kiêm nhiệm Phó Trưởng Bộ Môn Vật liệu Nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM theo thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Nhật Bản năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Toefl ITP (507 điểm), Chứng chỉ ngoại ngữ (Trình độ C).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Vinh		x	x		2015-2016	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	20/04/2017
2	Nguyễn Ngọc Trân		x	x		2015-2017	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	12/12/2017
3	Phan Trọng Thanh		x	x		2015-2017	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	04/05/2018
4	Hoàng Văn Bắc		x	x		2016-2018	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	20/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1							
2							
...							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	Áp dụng lý thuyết hàm mật độ tính năng lượng tương quan giữa positron và electron trong ZnO	Thành viên	B2009-18-04; Cấp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (Loại C)	09/2009-09/2010	18/01/2011 Xếp loại Tốt
II Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	Ứng dụng bức xạ hạt nhân và các phương pháp phân tích hạt nhân để tổng hợp màng ETFE ghép polystyrene sunpho hóa sử dụng cho pin nhiên liệu	Chủ nhiệm	103.04-2015.61; Cấp Bộ (Nafosted)	5/2016-5/2018	26/03/2020 Xếp loại Đạt
2	Màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu	Chủ nhiệm	C2017-18-19; Cấp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (Loại C)	5/2017-5/2018	20/03/2020 Xếp loại Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 07 công bố khoa học							
1.1	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế: 01 bài báo ISI, 02 bài Scopus							
1	Multi-wall carbon nanotubes investigated by positron annihilation techniques and microscopies for further production handling	12	Đồng tác giả	Physica Status Solidi C Online ISSN: 1610-1642	Scopus Cites/Doc. (2 years) = 0.839 Q3 H-index: 43	2 (Google scholar)	Vol. 06 Issue 11 pp. 2578-2581	2009
2	Positron annihilation characteristics in multi-wall carbon nanotubes with different average diameters	06	Đồng tác giả	Journal of Physics: Conference Series Online ISSN: 1742-6596 Print ISSN: 1742-6588	Scopus CiteScore: 0.7 Cites/Doc. (2 years) = 0.599 Q3 H-index: 70	2 (Google Scholar)	Vol. 443 Article ID: 012065 pp.1-4	2013
3	Poly(ethylene-co-tetrafluoroethylene) (ETFE)-based graft-type polymer electrolyte membranes with different ion exchange capacities with various IEC: Relative humidity dependence for fuel cell applications	05	Tác giả đầu tiên	Journal of Membrane Science ISSN: 0376-7388	ISI (SCIE) IF = 7.015 Q1 H-index: 232	16 (Scopus)	Vol. 447 pp. 19-25	2013
1.2	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 04 bài báo							
4	Investigate the BiPo decay with FADC 500 MHz	10	Đồng tác giả	Science and Technology Development Journal			Vol. 12 No. 17 pp. 22-28	2009

				ISSN: 1859-0128				
5	Positron – Electron Correlation Energy in ZnO Using Quantum Monte Carlo Method	4	Đồng tác giả	Nuclear Science and Technology ISSN: 1810-5408			No. 02 pp. 1-11	2009
6	The BiPo decay experiment	12	Tác giả đầu tiên	Nuclear Science and Technology ISSN: 1810-5408			No. 04 pp. 19-27	2009
7	Characterization of defects in Si by helium implantation using a slow positron beam	9	Tác giả đầu tiên	Nuclear Science and Technology ISSN: 1810-5408			No. 03 pp. 1-7	2009
2	Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 25 công bố khoa học							
2.1	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế: 14 bài báo ISI, 03 bài báo quốc tế, 02 bài báo Hội nghị quốc tế							
8	Hierarchical structure-property relationships in graft-type fluorinated polymer electrolyte membranes using small- and ultrasmall-angle X-ray scattering analysis	08	Tác giả đầu tiên	Macromolecules Print ISSN: 0024-9297 Online ISSN: 1520-5835	ISI (SCIE) IF = 5.997 Q1 H-index: 302	13 (Crossref)	Vol. 47 Issue 07 pp. 2373-2383	2014
9	Hierarchical structures in graft-type polymer electrolyte membranes for fuel cell vehicles using ultra small angle X-ray scattering method	03	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Proceedings of 2017 CASEAN-5 ISBN: 978-604-913-088-5			pp. 42-46	2017
10	Determination of cobalt in seawater using neutron activation analysis after preconcentration by adsorption onto γ -MnO ₂ nanomaterial	09	Đồng tác giả	Journal of Chemistry Print ISSN: 2090-9063 Online ISSN: 2090-9071	ISI (SCIE) IF = 1.727 Q2 H-index: 44	3 (Google Scholar)	Vol. 2018 Article ID: 9126491 pp. 1-8	2018

11	Humidity and temperature effects on mechanical properties and conductivity of graft-type polymer electrolyte membrane	09	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Radiation Physics and Chemistry ISSN: 0969-806X	ISI (SCIE) IF = 1.984 Q2 H-index: 76	2 (Google scholar)	Vol. 151 pp. 186-191	2018
12	Graft-type polymer electrolyte membranes: relative humidity dependence of electrochemical and mechanical properties for fuel cell vehicles	13	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Proceedings of 2019 CASEAN-6 ISBN: 978-604-913-088-5			pp. 281-285	2019
13	Effects of La^{3+} on the enhancement NIR quantum cutting and UC emissions in Nd^{3+} - Yb^{3+} co-doped transparent silicate glass-ceramics for solar cells	06	Đồng tác giả	Optical Materials ISSN: 0925-3467	ISI (SCIE) IF = 2.687 Q1 H-index: 98	1 (Google scholar)	Vol. 95 Article ID: 109229 pp.1-6	2019
14	Effects of $\text{Al}^{3+}/\text{La}^{3+}$ ratio on the DSC/DTA and luminescence properties of Bi-doped lanthanum aluminosilicate glasses	08	Đồng tác giả	Infrared Physics & Technology ISSN: 1350-4495	ISI (SCIE) IF = 2.313 Q2 H-index: 61		Vol. 103 Article ID: 103072 pp.1-6	2019
15	SAXS investigation on morphological change in lamellar structures during propagation steps of graft-type polymer electrolyte membranes for fuel cell applications	08	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Macromolecular Chemistry and Physics Print ISSN: 1022-1352 Online ISSN: 1521-3935	ISI (SCIE) IF = 2.622 Q1 H-index: 108		Vol. 221 Issue 03 Article ID: 1900325 pp.1-10	2019
16	Effects of Heat Treatment and Yb^{3+} Concentration on the Downconversion Emission of $\text{Er}^{3+}/\text{Yb}^{3+}$ Co-Doped Transparent Silicate Glass-Ceramics	06	Đồng tác giả	Materials Research Print ISSN: 1516-1439 Online ISSN: 1980-5373	Cites/Doc. (2 years) = 1.185 Q2 H-index: 42		Vol. 22 No. 05 pp.1-8	2019

17	Effects of Y^{3+} on the enhancement NIR emission of Bi^{3+} - Er^{3+} co-doped in transparent silicate glass-ceramics for Erbium-doped fiber amplifier (EDFA)	09	Đồng tác giả	Journal of Luminescence ISSN: 0022-2313	ISI (SCIE) IF = 2.961 Q2 H-index: 110	1 (Google scholar)	Vol. 219 Article ID: 116942 pp.1-9	2020
18	Energy transfer and spectroscopic properties of Cr^{3+}/Yb^{3+} co-doped TeO_2 - ZnO - La_2O_3 tellurite glasses under different wavelength excitation lights	07	Đồng tác giả	Optical Materials ISSN: 0925-3467	ISI (SCIE) IF = 2.687 Q1 H-index: 98		Vol. 100 Article ID: 109662 pp.1-8	2020
19	Enhanced red upconversion emission and energy transfer of $Tm^{3+}/Cr^{3+}/Yb^{3+}$ tri-doped transparent fluorosilicate glass-ceramics	07	Đồng tác giả	Journal of Non-Crystalline Solids ISSN: 0022-3093	ISI (SCIE) IF = 2.600 Q1 H-index: 135		Vol. 535 Article ID: 119885 pp.1-7	2020
20	Internal and interfacial structure analysis of graft-type fluorinated polymer electrolyte membranes by smallangle X-ray scattering in the high-q range	06	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Journal of Applied Polymer Science Print ISSN: 0021-8995 Online ISSN: 1097-4628	ISI (SCIE) IF = 2.188 Q2 H-index: 159		Vol. 137 Issue 35 Article ID: e49029 pp.1-11	2020
21	Extraction of high crystalline nanocellulose from biorenewable resources of vietnamese agricultural waste	06	Đồng tác giả	Journal of Polymers and the Environment ISSN: 15728900, 15662543	ISI (SCIE) IF = 2.765 Q2 https://www.springer.com/journal/10924 H-index: 68		Vol. 28 pp. 1465-1474	2020
22	A hybrid model for estimation of pore size from ortho-positronium lifetimes in porous materials	14	Đồng tác giả	Radiation Physics and Chemistry ISSN: 0969-806X	ISI (SCIE) IF = 1.984 Q2 H-index: 76		Vol. 172 Article ID: 108867	2020

							pp.1-5	
23	Design of a unique holder for structural modification of ZSM-5 zeolite using a 10 MeV electron beam generated from an industrial UERL-10-15S2 linear accelerator	18	Đồng tác giả	Radiation Physics and Chemistry ISSN: 0969-806X	ISI (SCIE) IF = 1.984 Q2 H-index: 76		Vol. 174 Article ID: 108948 pp.1-9	2020
24	Determination of shear wave velocity by using multichannel analysis of surface wave and borehole measurements: A case study in Ho Chi Minh City	04	Tác giả liên hệ	Lowland Technology International Print ISSN: 1344-9656 Online ISSN: 2187-8870	Cites/Doc. (2 years) = 0.303 Q3 H-index: 10		Vol. 22 No. 2 pp.200-211 (Đang chờ in và chờ bản online)	2020
25	Chitosan-MnO ₂ nanocomposite for effective removal of Cr (VI) from aqueous solution	11	Đồng tác giả	Chemosphere ISSN: 0045-6535	ISI (SCIE) IF = 5.108 Q1 H-index: 228		Vol. 257 Article ID: 127147 pp.1-10	2020
2.2 Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 06 bài báo								
26	Study of lamellar structures of graft-type fluorinated proton exchange membranes by small- angle X-ray scattering: preparation procedures and grafting degree dependence for fuel application	05	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Science & Technology Development Journal ISSN: 1859-0128			Vol. 18 No. T4 pp. 153-161	2015
27	Xác định cấu trúc vùng chuyển tiếp của màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu: Tiếp cận từ việc hiệu chỉnh quy luật Porod	07	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ISSN: 0866-708x			Vol. 54 No. 1A pp. 252-260	2016

28	Nghiên cứu mối quan hệ cấu trúc rỗng nano – sự thẩm thấu khí của màng ghép mạch điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu	07	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ISSN: 0866-708x			Vol. 54 No. 1A pp. 229-236	2016
29	Nghiên cứu cấu trúc màng điện cực polymer sử dụng tán xạ tia x góc hẹp và phổ bức xạ hủy positron	04	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Science & Technology Development Journal ISSN: 1859-0128			Vol. 1 No.6 pp. 197-205	2017
30	Nghiên cứu cấu trúc của màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu bằng phương pháp tán xạ tia X góc nhỏ và siêu nhỏ	01	Tác giả đầu tiên và Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			Vol.60 No.8 pp. 8-11	2018
31	Ứng dụng phương pháp tán xạ tia X góc nhỏ đánh giá ảnh hưởng thẳng giáng mật độ điện tử đến các cấu trúc vi mô của màng dẫn proton trong pin nhiên liệu	11	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			Vol.62 No.1 pp. 54-58	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04 bài báo (02 bài báo Q1 và 02 bài báo Q2) bao gồm [8], [11], [15], và [20] trình bày bảng trên.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Là Phó Trưởng Bộ Môn Vật liệu nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu từ năm 2017-2019, là ủy viên Hội đồng Khoa học của Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu từ 2019 đến nay, ứng viên đã tham gia xây dựng các chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học thuộc Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM, bao gồm “Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ vật liệu” và “Chương trình thạc sĩ Khoa học vật liệu phối hợp với Viện Khoa học vật liệu tiên tiến Nhật Bản (JAIST)” thuộc Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 25 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký



Trần Duy Tập